

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/3/2024

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyện; Bà Nguyễn Thị Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 13/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03/11/2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Anh T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Lê Anh T tự nguyện tìm hiểu rồi về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2014 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đến thời điểm hiện tại tình cảm vợ chồng không còn vì vậy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm.

Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị và anh T đã tìm cách khắc phục và được hai bên gia đình người thân động viên nhưng không có kết quả.

Xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục và kéo dài thêm được nữa. Vì vậy chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Lê Anh T.

Tại phiên tòa, chị T trình bày thêm: Trong thời gian chung sống, anh T có biểu hiện quan hệ bất chính với một số người phụ nữ khác nhau nhưng chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Hiện tại chị và anh T mặc dù có mâu thuẫn nhưng vẫn sống chung, sinh hoạt chung, ăn chung và ngủ cùng nhau.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung gồm Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 và Lê Huy M, sinh ngày 30/9/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Lê Anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị là cán bộ kho bạc Nhà nước huyện T, thu nhập từ lương khoảng 13.400.000 đồng đồng/một tháng và thu nhập từ việc kinh doanh là 20.000.000 đồng/tháng tổng thu nhập hàng tháng là 33.400.000 đồng/tháng. Chị đã có nhà riêng ở ổn định tại Khu X, thị trấn T.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như ý kiến trình bày của chị Trần Thị T trình bày về thời gian về chung sống và địa điểm đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh và chị T chung sống hạnh phúc từ khi về chung sống và đăng ký kết hôn năm 2013 đến năm 2022 được khoảng 10 năm đến khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T hiểu nhầm gia đình chồng, cho rằng ông bà nội không quan tâm đến con, cháu, thời gian gần đây chị T hay đi ăn cơm cơ quan có uống rượu nên anh có nói chị T lần sau không được uống rượu tránh việc mất kiểm soát, ảnh hưởng tới sức khỏe, bị người khác lợi dụng thì bị chị T phản ứng lại và không nghe lời khuyên của anh. Cuộc sống tuy có mâu thuẫn nhưng anh xét thấy chưa tới mức độ phải ly hôn, anh mong chị T suy nghĩ lại cùng nhau đoàn tụ nuôi dạy con cái. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm và yêu thương chị T, hôn nhân của anh chị vẫn có thể hàn gắn, những mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được. Vì vậy anh không nhất trí ly hôn với chị Trần Thị T, và đề nghị Tòa án hòa giải để chị T quay lại đoàn tụ với anh để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa, anh T không nhất trí việc chị T cho rằng anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Việc nuôi con chung: Anh và chị Trần Thị T có hai con chung tên là Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 và Lê Huy M, sinh ngày 30/9/2015. Nếu phải ly hôn với chị Trần Thị T, anh có nguyện vọng được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Huy M cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con

Lê Long M nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi cháu M theo nguyện vọng của con.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do anh không nhất trí ly hôn do vậy anh chưa đề cập giải quyết.

Lời khai các con chung:

Cháu Lê Long M khai: Hiện cháu đang học lớp 4A1 tại Trường Tiểu học thị trấn T, cháu đang sống cùng cả bố và mẹ. Cháu không có tài sản riêng, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ.

Cháu Lê Huy M khai: Hiện nay cháu đang học lớp 3A1 tại Trường Tiểu học thị trấn T, cháu đang sống cùng cả bố và mẹ. Cháu không có tài sản riêng, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với bố.

Biên bản xác minh ngày 19/01/2024, ông Tăng Hồng H - Trưởng Khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống tại địa phương, chị Trần Thị T và anh Lê Anh T chưa xảy ra mâu thuẫn gì mà đại diện Tổ dân phố phải can thiệp. Anh T, chị T chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 19/01/2024, ông Trần Trọng T là cha đẻ của chị Trần Thị T cung cấp thông tin: Anh T, chị T tự nguyện tìm hiểu rồi về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thi thoảng thấy hai vợ chồng mặt nặng mày nhẹ với nhau, nguyên nhân thì ông T không nắm được. Hiện anh T, chị T vẫn chung sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì đến mức phải ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T, anh T tại khu dân cư: Anh Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Hải Y đều là hàng xóm của chị T, anh T đều cho biết: Quá trình sinh sống, bản thân anh L, bà Y đều chưa thấy gia đình anh T, chị T có mâu thuẫn, cãi vã gì nhau, hàng ngày vẫn thấy vợ chồng anh chị sống tình cảm, buổi tối và ngày nghỉ vẫn thấy anh T, chị T bán hàng cùng nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn, Bị đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc ly hôn với bị đơn Lê Anh T do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Long M, sinh ngày 20/02/2014 cho nguyên đơn Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung Lê Huy M, sinh ngày 30/9/2015 cho bị đơn Lê Anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, để phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn cũng như phù hợp với nguyện vọng của con. Nguyên đơn, bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T, anh T chung sống với nhau hạnh phúc. Theo lời khai của chị T thì thời gian gần đây đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đến thời điểm hiện tại tình cảm vợ chồng không còn vì vậy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm.

Theo lời khai của anh T thì cuộc sống của anh chị tuy có mâu thuẫn nhưng anh xét thấy chưa tới mức độ phải ly hôn, anh mong chị T suy nghĩ lại cùng nhau đoàn tụ nuôi dạy con cái. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm và yêu thương chị T, hôn nhân của anh chị vẫn có thể hàn gắn, những mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được.

Bên cạnh đó, kết quả xác minh tại Khu X, thị trấn T, huyện T là nơi cư trú của vợ chồng chị T, anh T, cũng như xác nhận của ông Trần Trọng T là cha đẻ của chị Trần Thị T, thì quá trình chung sống tại địa phương, chị Trần Thị T và anh Lê Anh T chưa xảy ra mâu thuẫn gì mà đại diện Tổ dân phố phải can thiệp. Hiện anh T, chị T vẫn chung sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì đến mức phải ly hôn. Hàng xóm của anh T, chị T đều xác nhận chưa nhìn thấy gia đình anh T, chị T có mâu thuẫn, cãi vã gì nhau, hàng ngày vẫn thấy vợ chồng anh chị sống tình cảm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị T cho rằng anh Lê Anh T có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, là một phần tạo ra mâu thuẫn vợ chồng, nhưng chị T không đưa ra được chứng cứ anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Như vậy, mặc dù quy định tại Điều 51/Luật hôn nhân và gia đình thì chị T có quyền yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, chị T không chứng minh được mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng đã trầm trọng. Xét thấy không có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, quy định tại khoản 1 Điều 56/Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cùng cấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn là thiếu căn cứ, không phù hợp với hoàn cảnh thực tế của anh T, chị T ở thời điểm hiện tại. Vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp về việc cho chị T được ly hôn với anh T.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh T có 02 con chung chưa thành niên và còn sống phụ thuộc. Hiện nay các con chung của anh T, chị T đang ở độ tuổi cần bàn tay chăm sóc của cả bố và mẹ để có đủ điều kiện phát triển toàn diện. Bên cạnh đó do không có căn cứ cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn nên không xem xét giải quyết việc nuôi con chung

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 72/Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc xin ly hôn với bị đơn Lê Anh T.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị T phải chịu 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000^d tạm ứng án phí theo biên lai số 0000765, ngày 03/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay 300.000^d đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Trung Phước